

Số: 13/2021/QĐST- DS

Đăk Hà, ngày 30 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 55 /2021/TLST- DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng Ngân hàng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Á. Địa chỉ: 130 Phan Đăng L, phường 3, quận Phú Nh, thành phố H.C.M. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh Th – Nhân viên ngân hàng. Địa chỉ: 421Trần Ph, phường Th. Nh, thành phố K. T, tỉnh K. T.

Bị đơn: Ông A Dr và Y S.Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Á, ông Phạm Minh Th và bị đơn ông A Dr và bà Y S thống nhất tính đến ngày 22/3/2021 ông A Dr và bà Y S còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Á số tiền là 299.952.055 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm mươi năm đồng*). Trong đó: gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 27.575.343đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi năm ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng*), lãi quá hạn tính đến ngày 22/03/2021 là 22.376.712 đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm mười hai đồng*).

- Hai bên đương sự thỏa thuận: Ông A Dr và bà Y S phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Á số tiền 299.952.055 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm mươi năm đồng*). Trong đó: gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 27.575.343đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi năm ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng*), lãi quá hạn tính đến ngày 22/03/2021 là 22.376.712 đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm mười hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải (23/3/2021) ông A Dr và bà Y S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N.0284/119 ngày 05/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà ông A Dr và bà Y S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phía Ngân hàng TMCP Đ. Á có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông A Druột và bà Y Suen để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.Á theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0255/TC18 ngày 24/8/2018 gồm: thửa đất số 11, tờ bản đồ 114 mang tên hộ ông A Dr, tại thôn Kon Gu 1, xã Ng. W, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Được UBND huyện Đ. H cấp GCNQSDĐ số AI 511629 ngày 09/6/2008. Ngày 30/9/2016 đã được thay đổi từ hộ ông A Dr, sinh năm 1977; CNND số 233028775 thành ông A DR, sinh năm 1971; CMND số 233309978 cấp ngày 18/7/2016 nơi cấp Công an tỉnh K. T và bà Y S, sinh năm 1977, CNND số 233028775 ngày cấp 01/4/2016, nơi cấp Công an tỉnh K. T theo hồ sơ đăng ký biến động số 123 ngày 26/9/2016 của UBND xã Ng. W. Tài sản trên đúng như thực tế mà Tòa án nhân dân huyện Đ. H đã đi xem xét, thẩm định tại chỗ theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19 tháng 3 năm 2021.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không đủ số tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) thì ông A Dr và bà Y S phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Đ. Á.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tổng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) các đương sự phải chịu, ông A Dr và bà Y S nhận chịu toàn bộ. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Á đã nộp số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng, nên ông A Dr và bà Y S phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Á số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông A Dr và bà Y S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 7.498.801(*Bảy triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn tám trăm lẻ một đồng*).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Á không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Á số tiền 7.309.503đ (*Bảy triệu ba trăm lẻ chín ngàn năm trăm lẻ ba đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0004452, ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Hà, tỉnh K. T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án tỉnh K. T;
- Viện kiểm sát huyện Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN